

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN VĨNH ĐIỆN

**VẤN ĐỀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ CÓ YẾU TỐ
NƯỚC NGOÀI CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN VĨNH DIỆN

**VẤN ĐỀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ CÓ YẾU TỐ
NƯỚC NGOÀI CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT QUỐC TẾ

MÃ SỐ: 62 38 01 08

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN: 1. PGS.TS. PHÙNG THẾ VẮC
2. PGS.TS. HOÀNG PHƯỚC HIỆP**

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những thông tin, số liệu nêu trong Luận án là trung thực, khách quan và những kết quả nghiên cứu của Luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Tác giả của luận án

Nguyễn Vĩnh Diện

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	01
Chương 1 TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	06
1.1 Tình hình nghiên cứu ở các nước trên thế giới	06
1.2 Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam	11
1.3 Vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu đối với đề tài Luận án	19
Chương 2 NHẬN THỨC CHUNG VỀ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN	26
2.1 Một số vấn đề lý luận về quyền sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam	26
2.2 Một số vấn đề lý luận về thực thi quyền sở hữu trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam	51
2.3 Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam	64
Chương 3 THỰC TIỄN THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN	78
3.1 Thực trạng pháp luật và vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam	78
3.2 Thực tiễn hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng Công an nhân dân	111

Chương 4	MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN	132
4.1	Dự báo về tình hình quốc tế và trong nước liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng Công an nhân dân	132
4.2	Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng Công an nhân dân	144
	KẾT LUẬN	164
	DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

ANQG	An ninh quốc gia
ANND	An ninh nhân dân
BLDS	Bộ luật Dân sự
BLTTDS	Bộ luật Tố tụng dân sự
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CAND	Công an nhân dân
CSND	Cảnh sát nhân dân
CQHQ	Cơ quan Hải quan
ĐƯQT	Điều ước quốc tế
NXB	Nhà xuất bản
NN&PTNN	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
QTG	Quyền tác giả
QLQ	Quyền liên quan
QSHCN	Quyền sở hữu công nghiệp
QĐVGCT	Quyền đối với giống cây trồng
QLTT	Quản lý thị trường
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SHCN	Sở hữu công nghiệp
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
WIPO	Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới
TAND	Tòa án nhân dân
TPHN	Thành phố Hà Nội
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TTATXH	Trật tự an toàn xã hội
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân
VH - TT-DL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài Luận án

Trong tác phẩm “*Sở hữu trí tuệ - Một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế*” do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) phát hành, Kamil Idris khẳng định: “*Tài sản hữu hình như đất đai, lao động và tiền vốn đã từng là tiêu chuẩn so sánh tình trạng kinh tế, điều đó nay không đúng nữa. Động lực mới tạo ra sự thịnh vượng trong xã hội đương thời là tài sản dựa trên trí thức...*” [63, tr.7].

Nhận định trên đây đã phản ánh chân thực về vai trò của tài sản trí tuệ đối với đời sống vật chất và tinh thần của con người, đồng thời tác giả cũng dự báo về xu hướng phát triển tất yếu của xã hội loài người dựa trên nền tảng kinh tế trí thức.

Với vị trí, vai trò quan trọng của tài sản trí tuệ như đã nêu, nên từ rất lâu nhiều nước trên thế giới, nhất là các cường quốc như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức, Thụy Sĩ... đã dành sự quan tâm đặc biệt cho lĩnh vực sở hữu trí tuệ (SHTT), coi đây là nền tảng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Vì vậy, vấn đề thực thi pháp luật, chống lại hành vi xâm phạm quyền SHTT luôn được các quốc gia chú trọng khi thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu quốc tế.

Từ một nước có xuất phát điểm thấp khi tham gia hội nhập quốc tế, Việt Nam muốn phát triển nhanh, bền vững về mọi mặt, từng bước khẳng định vị thế của mình trong cộng đồng quốc tế, thì cần phải đặc biệt quan tâm đến thị trường khoa học, công nghệ, phải đẩy mạnh các hoạt động thực thi quyền SHTT, trong đó có cả quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam. Tuy nhiên, làm thế nào để vừa giữ vững an ninh quốc gia (ANQG), bảo đảm trật tự an toàn xã hội (TTATXH), tiếp thu được trí tuệ nhân loại để phát triển đất nước... là những vấn đề lớn đặt ra đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Đáp ứng những yêu cầu và đòi hỏi thực tiễn, với vai trò lãnh đạo toàn diện đối với đất nước và xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết định hướng chiến lược, chỉ đạo hoạt động thực thi quyền SHTT ở nước ta. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 nhấn mạnh: “*Việc hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, hình thành và phát triển thị trường khoa học, công nghệ theo hướng phù hợp yêu cầu của WTO và các điều ước quốc*

tế mà Việt Nam là thành viên là việc làm cấp bách” [60]. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, cũng khẳng định: “Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ. Có chế tài xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong giao dịch, mua bán các sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ...” [62].

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng trong lĩnh vực SHTT, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật có liên quan, như: Bộ luật Dân sự (BLDS), Luật Sở hữu trí tuệ (Luật SHTT), Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Hải quan, Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Bộ luật Hình sự (BLHS), Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), Luật Xử lý vi phạm hành chính... Đồng thời, nước ta cũng ký kết và tham gia vào nhiều điều ước quốc tế (ĐUQT) về bảo hộ và thực thi quyền SHTT. Ngoài ra, Nhà nước cũng chú trọng công tác giáo dục, tuyên truyền pháp luật, thành lập các cơ quan chuyên trách về SHTT và áp dụng những biện pháp chế tài nghiêm khắc đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quyền SHTT... Tuy nhiên, trong thực tiễn, tình hình xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt là quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam vẫn chưa được kiểm soát triệt để, hành vi xâm phạm quyền tác giả (QTG), quyền liên quan (QLQ), quyền sở hữu công nghiệp (QSHCN) và quyền đối với giống cây trồng (QĐVGCT) vẫn diễn ra thường xuyên và có xu hướng ngày càng phức tạp, gây thiệt hại trực tiếp đến lợi ích của chủ thể quyền SHTT, ảnh hưởng đến ANQG, TTATXH và làm giảm sút lòng tin của đối tác nước ngoài khi đầu tư vào thị trường Việt Nam.

Là một cán bộ công tác trong ngành Công an, tác giả nhận thức rằng: vấn đề thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân (CAND); đây là lực lượng nòng cốt trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau mà lực lượng CAND hiện vẫn chưa phát huy được tối đa được hiệu quả các mặt công tác trong thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam.

Vì những lý do nêu trên, tác giả đã lựa chọn đề tài “***Vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay***” để làm Luận án Tiến sĩ Luật học, nhằm đáp ứng những yêu cầu cả về lý luận và thực tiễn đang đặt ra.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án

- *Về mục đích nghiên cứu*, Luận án làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng CAND; trên cơ sở đó kiến nghị những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng CAND trong giai đoạn hiện nay.

- *Về nhiệm vụ nghiên cứu*, Luận án đặt ra các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

+ Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về quyền SHTT có yếu tố nước ngoài và thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài để từ đó tìm ra những nội dung cần tiếp tục làm rõ trong Luận án;

+ Phân tích, đánh giá dưới góc độ khoa học pháp lý nhận thức chung về quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam và thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng CAND;

+ Khảo sát tình hình vi phạm pháp luật về SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam và tìm ra những nguyên nhân dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật đó;

+ Phân tích, đánh giá hoạt động thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng CAND để từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng CAND.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Luận án

- *Về đối tượng nghiên cứu*:

Luận án nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng CAND.

- *Về phạm vi nghiên cứu*:

Nội hàm của khái niệm thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài khá phức tạp, nhưng trong khuôn khổ của Luận án, tác giả chỉ tập trung:

+ Nghiên cứu những hoạt động của lực lượng CAND trong thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam thông qua việc áp dụng các biện pháp hành chính và hình sự theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Việc áp dụng

biện pháp dân sự và các biện pháp nghiệp vụ khác của lực lượng CAND không thuộc phạm vi nghiên cứu của Luận án này.

+ Địa bàn nghiên cứu trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam, tập trung ở một số địa phương được chọn tiêu biểu, như: Thành phố Hà Nội (TPHN), Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), Hải Phòng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Tây Ninh, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Thời gian nghiên cứu từ năm 2003 đến năm 2014, đặc biệt từ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu của Luận án

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các lĩnh vực liên quan đến đề tài Luận án.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả tập trung sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, như: phân tích, tổng hợp, so sánh pháp luật, điều tra xã hội học, lịch sử.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của Luận án

Luận án có một số đóng góp mới về mặt khoa học như sau:

- Làm rõ thêm nội hàm khái niệm quyền SHTT có yếu tố nước ngoài và thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam, góp phần hoàn thiện lý luận khoa học pháp lý ở nước ta về lĩnh vực đã nêu;

- Làm rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng CAND và yêu cầu đặt ra đối với CAND trong thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay;

- Dự báo tình hình quốc tế và trong nước có liên quan đến thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam, đề xuất những giải pháp mang tính khoa học, tổng thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam của lực lượng CAND trong những năm tiếp theo.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

- Về mặt lý luận, kết quả nghiên cứu của Luận án có thể làm luận cứ đề xuất, bổ sung những vấn đề lý luận về thực thi quyền SHTT có yếu tố nước